TRUNG TÂM KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN HÓA CHẤT
CHI NHÁNH VIỆN HÓA HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
ĐC: Số 2 Phố Phạm Ngũ Lão, Phường Cửa Nam, Hà Nội
ĐT: 024.38260669/024.39334132 Email: ceecsvhhcn@gmail.com
VILAS 557 - VIMCERTS 195

Số: 01617/2026/PKQ (KT/2606.131-133)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Khách hàng: Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành
Địa chỉ: Đường CN6 KCN thuận thành 3, phân khu B, Phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh
Địa điểm quan trắc: Đường CN6 KCN thuận thành 3, phân khu B, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Tên mẫu	KT/2606.131 - KT4: Khí thải tại hệ thống xử lý ắc quy KT/2606.132 - KT5: Khí thải từ hệ thống tái chế nhôm KT/2606.133 - KT9: Khí thải từ hệ thống tái chế, thu hồi đồng
Loại mẫu	Khí thải
Tình trạng mẫu	Mẫu được bảo quản theo quy định
Ngày lấy mẫu	06/06/2026
Thời gian thử nghiệm	07/06/2026 – 10/07/2026

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm			QCVN 19: 2009/ BTNMT
				KT/2606.131	KT/2606.132	KT/2606.133	Cột B Cmax
1	Bụi tổng(b)	mg/Nm³	US EPA Method 5	6,4	<2,0	2,5 (LOQ=6)	200
2	Antimon và hợp chất, tính theo Sb(b)	mg/Nm³	US EPA Method 29	-	<0,0080	0,0167 (LOQ= 0,024)	10
3	Asen và các hợp chất, tính theo As(b)	mg/Nm³	US EPA Method 29	-	<0,0090	<0,0090	10
4	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd(b)	mg/Nm³	US EPA Method 29	-	<0,0050	<0,0050	5
5	Chì và hợp chất, tính theo Pb(b)	mg/Nm³	US EPA Method 29	0,0323	<0,0050	<0,0050	5
6	Cacbon oxit, CO(b)	mg/Nm³	QTHT-40	-	<20	-	1.000
7	Đồng và hợp chất, tính theo Cu(b)	mg/Nm³	US EPA Method 29	-	<0,0500	<0,0500	10
8	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn(b)	mg/Nm³	US EPA method 29	-	0,15	<0,0300	30
9	Axit clohydric, HCl	mg/Nm³	US EPA Method 26A	-	KPH	KPH	50
10	Lưu huỳnh đioxit, SO_2(b)	mg/Nm³	QTHT-40	-	<3,4	-	500
11	Nitơ oxit, NOx (tính theo NO_2)(b)	mg/Nm³	QTHT-40	-	12,5	-	850
12	Hơi H_2SO_4(b)	mg/Nm³	US EPA Method 8	<1,30	-	-	50

1. *Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)*
2. *Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;*
3. *Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm*

Ghi chú:

- *QCVN 19: 2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;*
- *Cột B quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:*
  + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
  + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.
  $Cmax = C \times Kp \times Kv.$ $Kp=1, Kv=1,0;$
- *<: Nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp thử;*
- *LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;*
- *Dấu (-): là không quy định/không đo;*
- *KPH: không phát hiện;*
- *(b): Chi tiêu được công nhận theo Vimcerts 195;*
- *Chi tiêu số 9 do Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam - Vimcerts 121 thực hiện.*

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2026

NGƯỜI LẬP PHIẾU	CÁN BỘ QA/QC	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Vân Anh	Nguyễn Văn Nam	Lê Bảo Quân

1. *Kết quả này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu/ nhận mẫu (như trên)*
2. *Tên Khách hàng, tên mẫu và chỉ tiêu thử nghiệm theo yêu cầu của khách hàng;*
3. *Thời gian lưu mẫu là 5 ngày. Không trích, sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung Tâm*